

CÔNG TY TNHH TAKARA HÀ NỘI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TAKARA HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TAKARA HA NOI COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: TAKARA HANOI

2. Mã số doanh nghiệp: 0109555218

3. Ngày thành lập: 18/03/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 4M khu căn hộ, tòa tháp đôi Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 099 789 6688

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610(Chính)
2.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
3.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
4.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
5.	Bán buôn đồ uống	4633
6.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
7.	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: - Kinh doanh thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng - Kinh doanh thực phẩm bảo vệ sức khỏe - Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột - Bán buôn rau, quả - Bán buôn chè - Bán buôn thực phẩm khác	4632

8.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất thực phẩm chức năng và thực phẩm tăng cường vi chất dinh dưỡng - Sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe - Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; - Sản xuất cao linh chi	1079
9.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
10.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
11.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
12.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
13.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
14.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
15.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
16.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: - Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) - Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) - Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
17.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá) Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng; - Bán lẻ các loại hàng hóa qua internet. - Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại; - Dịch vụ thương mại điện tử (Trừ đấu giá bán lẻ qua internet)	4791
18.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức: bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động...; - Bán lẻ của các đại lý hưởng hoa hồng (ngoài cửa hàng).	4799
19.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
20.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
21.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020

22.	Dịch vụ đóng gói	8292
23.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
24.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
25.	Sản xuất rượu vang	1102
26.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
27.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
28.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
29.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
30.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
31.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
32.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
33.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
34.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
35.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
36.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ hợp báo)	8230
37.	Quảng cáo	7310
38.	In ấn	1811
39.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
40.	Sao chép bản ghi các loại	1820
41.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí (Trừ hoạt động của các nhà báo độc lập)	9000
42.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các hoạt động vui chơi và giải trí khác - Hoạt động hội chợ và trưng bày các đồ giải trí mang tính chất giải trí tự nhiên - Hoạt động của các khu giải trí, bãi biển, bao gồm cho thuê các phương tiện như nhà tắm, tủ có khoá, ghế tựa, dù che.v.v...;	9329
43.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
44.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp (trừ dịch vụ Nhà nước cấm)	8110
45.	Lập trình máy vi tính Chi tiết: - Hoạt động viết, sửa, thử nghiệm và trợ giúp các phần mềm theo yêu cầu sử dụng riêng biệt của từng khách hàng. - Lập trình các phần mềm nhúng. - Sản xuất sản phẩm phần mềm, sản phẩm nội dung thông tin số, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm, dịch vụ phần mềm, dịch vụ khắc phục sự cố an toàn thông tin, bảo vệ an toàn thông tin theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin	6201

46.	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: - Đại lý dịch vụ viễn thông; Dịch vụ ứng dụng viễn thông (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông); - Kinh doanh hàng hóa viễn thông: Hàng hoá viễn thông là phần mềm và vật tư, thiết bị viễn thông - Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông) - Cung cấp dịch vụ Internet - Cung cấp dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động - Thử nghiệm mạng và dịch vụ viễn thông	6190
47.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: - Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi; - Bán buôn phần mềm. - Kinh doanh sản phẩm an toàn thông tin mạng bao gồm: + Sản phẩm kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng + Sản phẩm giám sát an toàn thông tin mạng + Sản phẩm chống tấn công, xâm nhập	4651
48.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
49.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
50.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
51.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ loại Nhà nước cấm)	4649
52.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
53.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
54.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
55.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
56.	Cổng thông tin (không bao gồm hoạt động báo chí)	6312
57.	Xuất bản phần mềm (không bao gồm xuất bản phẩm)	5820

58.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại - Dịch vụ công nghệ thông tin: + Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin + Tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật + Thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử + Bảo hành, bảo trì, bảo đảm an toàn mạng và thông tin + Cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu + Phân phối sản phẩm công nghệ thông tin + Đào tạo công nghệ thông tin - Cung cấp dịch vụ mạng	6399
59.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Tư vấn về công nghệ khác; - Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý... - Dịch vụ chuyển giao công nghệ - Môi giới chuyển giao công nghệ; - Tư vấn chuyển giao công nghệ; - Đánh giá công nghệ; - Xúc tiến chuyển giao công nghệ. - Dịch vụ giám sát an toàn thông tin mạng - Dịch vụ phòng ngừa, chống tấn công mạng - Dịch vụ tư vấn an toàn thông tin mạng - Dịch vụ ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng - Dịch vụ khôi phục dữ liệu - Dịch vụ kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin mạng - Dịch vụ bảo mật thông tin không sử dụng mật mã dân sự	7490
60.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
61.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
62.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
63.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
64.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
65.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
66.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
67.	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn	8020
68.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
69.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
70.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
71.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211

72.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
73.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ loại Nhà nước cấm)	4659
74.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không) Chi tiết: - Dịch vụ đại lý, giao nhận vận chuyển - Logistics - Dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu: - Môi giới thuê tàu biển, phương tiện vận tải bộ; Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;	5229
76.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
77.	Bốc xếp hàng hóa	5224
78.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Vận tải hành khách bằng mô tô, xe máy và xe có động cơ khác - Vận tải hành khách đường bộ loại khác trong nội thành, ngoại thành (trừ xe buýt)	4931
79.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932

80.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô; - Vận tải hàng hóa thông thường: vận tải gỗ, vận tải gia súc, nông lâm sản, hàng hóa thông thường khác; - Vận tải hàng hóa bằng xe chuyên dụng: Xe bồn chở chất lỏng, xe chở hóa chất, xe đông lạnh; - Vận tải hàng nặng, vận tải container; - Vận tải phế liệu, phế thải, rác thải, không đi kèm hoạt động thu gom hoặc đổ phế liệu, phế thải, rác thải; - Hoạt động chuyên chở đặc; - Cho thuê xe tải có người lái;	4933
81.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
82.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
83.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
84.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
85.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
86.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ Chi tiết: - Hoạt động điều hành bến xe - Hoạt động quản lý, điều hành đường cao tốc, cầu, hầm đường bộ - Hoạt động quản lý bãi đỗ, trông giữ phương tiện đường bộ - Hoạt động dịch vụ khác hỗ trợ liên quan đến vận tải đường bộ	5225
87.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
88.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (trừ hoạt động lai dắt, hoa tiêu, đưa tàu cập bến)	5222
89.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
90.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
91.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
92.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
93.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Trừ Hoạt động đấu giá ô tô và xe có động cơ khác).	4511
94.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
95.	Bán mô tô, xe máy (Trừ đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
96.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
97.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
98.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đấu giá)	4530

99.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Trừ hoạt động đầu giá)	4513
100.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: - Bảo hành, bảo dưỡng ô tô - Hoạt động sửa chữa ô tô - Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác	4520
101.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: - Cho thuê ô tô - Cho thuê xe có động cơ khác	7710
102.	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý thương mại - Môi giới thương mại	4610
103.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu .	8299
104.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại Nhà nước cấm)	4690

6. Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	ĐỖ KIÊN	P203 B3, tập thể Trại Găng, Phường Thanh Nhàn, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	900.000.000	50,000	001078000283	
2	NGUYỄN THẾ ANH	Số 9, ngõ 296/128, phố Minh Khai, Tò 7, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	900.000.000	50,000	030081000192	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THẾ ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/02/1981

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 030081000192

Ngày cấp: 04/03/2015

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 9, ngõ 296/128, phố Minh Khai, Tổ 7, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 9, ngõ 296/128, phố Minh Khai, Tổ 7, Phường Mai Động, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội